

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 318/2024/DS-PT

Ngày: 30-7-2024

V/v “Tranh chấp bồi thường thiệt hại
do tài sản bị xâm phạm”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Phương
Ông Trần Trọng Nhân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 254/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn B, huyện M, tỉnh Long An.

2. Bà Phan Thị Thanh V, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn B, huyện M, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Ông Ngô Văn H - Bị đơn.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02-6-2023; đơn khởi kiện bổ sung ngày 07-6-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Vào ngày 31-5-2023, ông H xịt thuốc cỏ (loại thuốc cỏ diệt mầm) trên ruộng lúa của ông nhưng không đảm bảo an toàn, để gió lớn thổi bay hơi thuốc qua đất của bà N làm chết toàn bộ 0,2 hecta mướp của bà N. Sau khi bị xịt thuốc cỏ bay qua, bà N đã xịt thuốc dưỡng lại nhưng toàn bộ đã bị héo đọt chết, không cứu sống được nữa. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 27.730.000 đồng gồm: Tiền đầu tư vào 0,2 hecta mướp đang thu hoạch được 07 ngày là 12.000.000 đồng cụ thể tiền giống 3.400.000 đồng, tiền phân 5.100.000 đồng, tiền thuốc 2.600.000 đồng, xơ dừa 500.000 đồng, 05 bao lân (hạ phèn) 400.000 đồng; tiền thiệt hại thực tế 15.000.000 đồng, tương đương với thu nhập 01 tháng từ việc bán mướp và tiền thuốc dưỡng sau khi bị xịt thuốc cỏ là 730.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, trong quá trình xét hỏi, bà N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà N chỉ yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 12.000.000 đồng là tiền đầu tư, đối với tiền thiệt hại thực tế 15.000.000 đồng và tiền thuốc dưỡng 730.000 đồng thì bà N không yêu cầu nữa.

Tại đơn khởi kiện ngày 02-6-2023; đơn khởi kiện bổ sung ngày 29-11-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Thanh V trình bày:

Vào ngày 31-5-2023, ông H xịt thuốc cỏ (loại thuốc cỏ diệt mầm) trên ruộng lúa của ông nhưng không đảm bảo, để gió thổi bay hơi thuốc qua đất của bà V làm chết toàn bộ 0,5 hecta bí đỏ hồ lô của bà V, thời điểm thiệt hại bí đỏ đã trồng được 25 ngày. Do đó, bà V khởi kiện yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại những chi phí đã đầu tư tổng cộng 22.800.000 đồng gồm tiền thuê đất 4.300.000 đồng (13.000.000 đồng/năm/03 vụ), tiền hạt giống 7.500.000 đồng, tiền phân thuốc 4.000.000 đồng, tiền công 7.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, trong quá trình xét hỏi, bà V thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà V chỉ yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 15.800.000 đồng là tiền đầu tư, đối với tiền công 7.000.000 đồng thì bà V không yêu cầu nữa, bà V giảm một phần tiền cho ông H vì thực tế bí đỏ của bà V không phát triển quá tốt, chỉ phát triển ở mức trung bình.

- Bị đơn Ngô Văn H trình bày:

Ông H thừa nhận vào ngày 31-5-2023 có xịt thuốc cỏ loại diệt mầm cho ruộng lúa của ông, tuy nhiên việc ông H xịt thuốc cỏ trên ruộng lúa của ông không ảnh hưởng gì đến ruộng mướp của bà N, bí đỏ của bà V vì hai ruộng cách xa nhau thêm một đám ruộng khác nữa, còn việc gió có thổi hơi bay qua hay không là do thiên nhiên, ông H không biết và không có trách nhiệm gì. Do đó, ông H không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N và bà V, không đồng ý bồi thường bất kỳ khoản nào.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa quyết định:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 468, 584, 585, 589 và 600 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Ngô Văn H, về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Buộc ông Ngô Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị N số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh V đối với ông Ngô Văn H, về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Buộc ông Ngô Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho bà Phan Thị Thanh V số tiền 7.900.000 đồng (bảy triệu chín trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Ngô Văn H, về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh V đối với ông Ngô Văn H, về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 7.900.000 đồng (bảy triệu chín trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07-5-2024, bị đơn ông Ngô Văn H kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của ông H trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự và xét kháng cáo ông Ngô Văn H, thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, ông H thừa nhận vào ngày 31/5/2023 có phun thuốc cỏ loại diệt mầm, hậu nảy mầm là loại thuốc cỏ chuyên dùng cho lúa nước, ông H cũng trình bày mướp của bà N, bí đỏ của bà V bị ảnh hưởng do hơi thuốc bay qua nhưng ông cho rằng do điều kiện hoàn cảnh thời tiết gió lớn gây ra. Căn cứ biên bản làm việc ngày 02/6/2023 (sau 03 ngày ông H xịt thuốc cỏ) do Ủy ban nhân dân thị trấn Bình Phong Thạnh lập, đã xác định các ruộng bí đỏ của bà V, mướp của bà N bị ảnh hưởng, thiệt hại do thuốc cỏ ông H xịt vào ngày 31/5/2023 và ông H cũng thống nhất hỗ trợ cho bà N 1.000.000 đồng và bà V 2.000.000 đồng. Tại biên bản xem xét, thẩm định ngày 13/6/2023 thể hiện toàn bộ mướp của bà N và bí đỏ của bà V bị thiệt hại toàn bộ, không thể khắc phục được. Ngoài ra, ông Trương Công T – Trưởng Khu phố 3 cũng xác nhận vào ngày xảy ra sự việc có đến hiện trường xem xét, thời điểm này ông H có thừa nhận thuốc cỏ bay qua ruộng mướp của bà N, bí đỏ của bà V, nguyên nhân do gió lớn. Như vậy, ông H là chủ ruộng lúa thực hiện xịt thuốc cỏ bằng máy bay phun thuốc (Drone) nhưng không đảm bảo điều kiện an toàn, để gió lớn thổi hơi thuốc bay hơi qua ruộng mướp của bà N, ruộng bí đỏ của bà V gây thiệt hại toàn bộ.

Ông H nhận thức được thuốc cỏ diệt mầm, hậu nảy mầm không ảnh hưởng đến lúa nhưng sẽ ảnh hưởng đến hoa màu nhưng trước khi phun thuốc ông H không thông báo cho bà N và bà V biết trước mặc dù biết rõ bên kia đang trồng hoa màu (mướp, bí đỏ). Tuy ông H không phải là người trực tiếp phun thuốc nhưng ông H là chủ ruộng, người thuê nên ông H phải có trách nhiệm bồi tH thiệt hại cho bà N và bà V theo quy định tại Điều 600 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, việc thuốc cỏ bay hơi qua ruộng mướp của bà N, bí đỏ của bà V là do điều kiện thời tiết gió lớn, ruộng của hai bên cách xa nhau (khoảng 45 mét đến 50 mét) nên ông H có sự chủ quan, ông H không nhìn thấy trước được hậu quả sẽ xảy ra. Mặt khác, khu ruộng của bà V, bà N quy hoạch trong lúa, bà N và bà V tự ý trồng hoa màu là loại cây nhạy cảm, dễ bị ảnh hưởng của thuốc bảo vệ thực vật trong khi xung quanh đều trồng lúa, việc thường xuyên phun thuốc đối với ruộng lúa là bắt buộc nên khó tránh khỏi sự ảnh hưởng nhất định đến hoa màu. Do thiệt hại xảy ra cũng có phần lỗi của cả hai bên, trách nhiệm của mỗi bên là 50% nên buộc ông H phải có nghĩa vụ hỗ trợ bồi thường 50% thiệt hại cho bà N và bà V. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Ngô Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị N số tiền 6.000.000 đồng, bồi thường cho bà Phan Thị Thanh V số tiền 7.900.000 đồng là phù hợp và so với thiệt hại thực tế xảy ra thì khoản tiền bồi thường này là hợp lý.

Xét kháng cáo của ông Ngô Văn H là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn H. Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn H đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Ông H kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại là số tiền đầu tư trồng mướp với số tiền 12.000.000 đồng; bà Phan Thị Thanh V khởi kiện yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại là số tiền đầu tư trồng bí đỏ với số tiền 15.800.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét nguyên nhân dẫn đến thiệt hại và trách nhiệm bồi thường: Ông H thừa nhận vào ngày 31-5-2023 có phun thuốc cỏ loại diệt mầm, hậu nảy mầm (là loại thuốc cỏ chuyên dùng cho lúa nước) trên ruộng lúa của ông. Ông H cũng thừa nhận mướp của bà N, bí đỏ của bà V bị ảnh hưởng do hơi thuốc bay qua nhưng chỉ bị một số ít ở khu vực ngoài rìa.

[4] Căn cứ biên bản làm việc ngày 02-6-2023 (sau 03 ngày ông H xịt thuốc cỏ) do Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Mộc Hóa lập, đã xác định 05 công bí đỏ của bà V, 02 công mướp của bà N bị ảnh hưởng, thiệt hại do thuốc cỏ ông H phun vào ngày 31-5-2023 và ông H cũng thống nhất hỗ trợ cho bà N 1.000.000 đồng và bà V 2.000.000 đồng. Tại biên bản xem xét, thẩm định ngày 13-6-2023 thể hiện toàn bộ mướp của bà N và bí đỏ của bà V bị thiệt hại toàn bộ, không thể khắc phục được. Ngoài ra, ông Trương Công T – Trưởng Khu phố 3 cũng xác nhận vào ngày xảy ra sự việc có đến hiện trường xem xét, thời điểm này ông H có thừa nhận thuốc cỏ bay qua ruộng mướp của bà N, bí đỏ của bà V, nguyên nhân do gió lớn.

[5] Ông H là chủ ruộng lúa thực hiện việc phun thuốc cỏ (Drone) bằng máy bay nhưng không đảm bảo điều kiện an toàn, do gió lớn thổi hơi thuốc bay hơi qua ruộng mướp của bà N, ruộng bí đỏ của bà V gây thiệt hại toàn bộ. Ông H nhận thức được thuốc cỏ diệt mầm, hậu nảy mầm không ảnh hưởng đến lúa nhưng sẽ ảnh hưởng đến hoa màu nhưng trước khi phun thuốc ông H không thông báo cho bà N và bà V biết trước để có biện pháp bảo vệ hoa màu không bị nhiễm thuốc cỏ, mặc dù biết rõ bên kia đang trồng hoa màu (mướp, bí đỏ). Tuy ông H không phải là người trực tiếp phun thuốc nhưng ông H là chủ ruộng, người thuê phun thuốc nên ông H phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà N và bà V theo quy định tại Điều 600 của Bộ luật Dân sự.

[6] Các khoản thiệt hại của bà Nguyễn Thị N: Tại đơn khởi kiện, bà N yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại tổng cộng là 27.730.000 đồng, trong đó tiền đầu tư vào 0,2 hecta mướp đang thu hoạch được 07 ngày là 12.000.000 đồng cụ thể tiền giống 3.400.000 đồng, tiền phân 5.100.000 đồng, tiền thuốc 2.600.000 đồng, xơ dứa 500.000 đồng, 05 bao lân (hạ phèn) 400.000 đồng; tiền thiệt hại thực tế 15.000.000 đồng (trương đương với thu nhập 01 tháng từ việc bán mướp) và tiền thuốc dưỡng sau khi bị thuốc cỏ bay qua 730.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà

N xác định lại chi yêu cầu bồi thường 12.000.000 đồng tiền đầu tư, không yêu cầu tiền thiệt hại thực tế 15.000.000 đồng và tiền thuốc dưỡng sau khi bị thuốc cỏ bay qua 730.000 đồng. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của bà N là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét thấy chi phí đầu tư gồm tiền giống 3.400.000 đồng (có hóa đơn thanh toán là 3.500.000 đồng); tiền phân 5.100.000 đồng; tiền thuốc 2.600.000 đồng; xơ dừa 500.000 đồng; 05 bao lân (hạ phèn) 400.000 đồng (phân thuốc đã mua của Đại lý Tư Tr được ghi sổ là 9.690.000 đồng). Tòa án cấp sơ thẩm đã gửi văn bản yêu cầu Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn và Trung tâm dịch vụ nông nghiệp cung cấp thông tin về chi phí đầu tư mướp, bí đỏ nhưng không nhận được phản hồi. Tuy nhiên, xét thấy bà N cung cấp chứng cứ với chi phí đầu tư cho mỗi công mướp là 6.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với thực tế tại địa phương.

[8] Các khoản thiệt hại của bà Phan Thị Thanh V: Tại đơn khởi kiện, bà V yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại tổng cộng là 22.800.000 đồng gồm tiền thuê đất 4.300.000 đồng, tiền hạt giống 7.500.000 đồng, tiền phân thuốc 4.000.000 đồng, tiền công 7.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà V xác định chi yêu cầu bồi thường thiệt hại 15.800.000 đồng gồm 4.300.000 đồng (13.000.000 đồng/năm/03 vụ), tiền hạt giống 7.500.000 đồng, tiền phân thuốc 4.000.000 đồng, không yêu cầu tiền công 7.000.000 đồng vì thực tế bí đỏ của bà V không phát triển quá tốt, chỉ phát triển ở mức tương đối nên bà V chỉ yêu cầu bồi thường 15.800.000 đồng (gần tương đương 70% chi phí đã đầu tư). Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của bà V là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xét thấy, chi phí đầu tư gồm tiền thuê đất 4.300.000 đồng (có giấy xác nhận của chủ đất); tiền hạt giống 7.500.000 đồng (có hóa đơn thanh toán và bảng chiết tính của người trồng bí lâu năm ở địa phương); tiền phân thuốc 4.000.000 đồng (phân thuốc đã mua của Đại lý Tư Tr được ghi sổ là 4.610.000 đồng). Tòa án cấp sơ thẩm đã gửi văn bản yêu cầu Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn và Trung tâm dịch vụ nông nghiệp cung cấp thông tin về chi phí đầu tư mướp, bí đỏ nhưng không nhận được phản hồi.

[10] Tuy nhiên, bà V cung cấp được bảng chiết tính của ông Lê Văn K (là người có nhiều năm trồng bí đỏ) thể hiện chi phí đầu tư trồng bí đỏ đến khi kết thúc vụ là 32.225.000 đồng/5.000m², tương đương 6.445.000 đồng/1.000m². Như vậy, bà V đầu tư trồng bí đỏ được 25 ngày với chi phí 4.560.000 đồng/1.000m² là có căn cứ, các chi phí phù hợp với thực tế tại địa phương.

[11] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận chi phí đầu tư theo yêu cầu của bà N là 12.000.000 đồng; của bà V là 15.800.000 đồng là có căn cứ nhưng cho rằng bà N và bà V cũng có lỗi (đất không có quy hoạch trồng hoa màu, không có sự chủ động liên hệ, hợp tác với chủ ruộng lúa để nắm bắt lịch phun thuốc để có biện pháp bảo vệ hoa màu) là không đúng và chỉ buộc ông H bồi thường $\frac{1}{2}$ thiệt hại cho bà N là 6.000.000 đồng; bồi thường $\frac{1}{2}$ thiệt hại cho bà V là 7.900.000 đồng là đã có lợi cho ông H. Ông H kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[12] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông H là có căn cứ.

[13] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn H;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 468, 584, 585, 589 và 600 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Ngô Văn H, về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Buộc ông Ngô Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị N số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh V đối với ông Ngô Văn H, về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Buộc ông Ngô Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho bà Phan Thị Thanh V số tiền 7.900.000 đồng (bảy triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Ngô Văn H, về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh V đối với ông Ngô Văn H, về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 7.900.000 đồng (bảy triệu chín trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ngô Văn H phải chịu 695.000 đồng (sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 675.000 đồng (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010697 ngày 07-6-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa để thi hành án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bà Phan Thị Thanh V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Ngô Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm án phí phúc thẩm theo biên lai số 0002855 ngày 14-5-2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mộc Hóa để thi hành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu